UỶ BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29 /BC-UBND	*Bỉm Sơn, ngày 30 tháng 3 năm 2017*

BÁO CÁO
Kết quả kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập năm 2016

Thực hiện Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập và Công văn số 1385/TTTH-PCTN ngày 23/11/2016 của Thanh tra tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập năm 2016. UBND thị xã Bỉm Sơn xin báo cáo kết quả kê khai như sau:

I. QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ KÊ KHAI, MINH BẠCH TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2016:

Thực hiện Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập. UBND Thị xã đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ các loại tài sản, thu nhập phải kê khai theo mẫu ban hành để các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết được tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người đó; phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở địa phương. Việc kê khai xác minh tài sản, thu nhập là một trong những nội dung quan trọng trong kế hoạch phòng chống tham nhũng hàng năm của UBND thị xã Bỉm Sơn.

Ngày 30/12/2016, UBND Thị xã đã ban hành Công văn số 2769/UBND-NV về việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2016 gửi các đối tượng phải kê khai tài sản thu nhập năm 2016, trong đó hướng dẫn cụ thể các đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản và trình tự kê khai theo quy định. Sau khi có hướng dẫn của UBND Thị xã cùng với công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản hướng dẫn của cơ quan cấp trên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thị xã đã xác định đây là nhiệm vụ quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng, nên hầu hết các đơn vị đã quán triệt triển khai tới từng vị trí, chức danh theo danh mục những người có nghĩa vụ phải kê khai, chấp hành nghiêm túc việc kê khai tài sản trong đơn vị mình.

Đến nay, UBND Thị xã đã hoàn thành công tác kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập năm 2016 theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

1. Kết quả kê khai:

Thực hiện Công văn số 2769/UBND-NV ngày 30/12/2016 của UBND Thị xã về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2016, đến nay các cá nhân thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập nghiêm túc , trung thực và đầy đủ, không có cán bộ, công chức, viên chức nào phải thực hiện xác minh tài sản, thu nhập.

Thời gian triển khai lập danh sách bắt đầu từ ngày 30/12/2016 đến ngày 20/01/2017 toàn Thị xã có 62 cơ quan, tổ chức, đơn vị với số lượng kê khai 258 người thuộc diện phải kê khai, tỷ lệ 100% số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện.

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong năm: 258 người bằng 100% số người phải kê khai;

- Số lượng bản kê khai tài sản, thu nhập lưu giữ tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 258 bản;

- Số lượng và danh sách bản kê khai thuộc diện cấp ủy hoặc cấp trên quản lý: 185 người.

Kết quả kê khai đã được lưu vào hồ sơ cán bộ để quản lý theo đúng quy định của Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

2. Kết quả công khai:

Số cơ quan, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết: 23 đơn vị bằng 37% số đơn vị (chủ yếu là các nhà trường); số cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai bằng hình thức tổ chức cuộc họp là 39 đơn vị bằng 63% số đơn vị.

- Số bản kê khai đã công khai so với số bản đã kê khai: 258 bản bằng 100% so với số bản đã kê khai.

- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết: 80 bản bằng 31% so với số bản đã công khai.

- Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp: 178 bản bằng 69% so với số bản đã công khai.

3. Kết quả thực hiện giải trình, xác minh tài sản, thu nhập.

- Số người yêu cầu giải trình kê khai, nguồn gốc tài sản, thu nhập: 0 người;

- Số người được xác minh tài sản, thu nhập: 0 người;

- Số người đã có kết luận về minh bạch tài sản, thu nhập: 0 người;

- Số người đã có kết luận không trung thực trong minh bạch tài sản, thu nhập: 0 người.

4. Kết quả xử lý kỷ luật trong xác minh tài sản, thu nhập.

- Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực; chia theo hình thức kỷ luật (cảnh cáo; khiển trách; hình thức khác): 0 người.

- Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm thời hạn trong minh bạch tài sản, thu nhập (chậm tổ chức kê khai, chậm kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản) và chia theo hình thức xử lý kỷ luật: 0 người.

- Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập chia theo các lỗi vi phạm và hình thức xử lý: 0 người.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định về minh bạch, tài sản theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập đã được Thị xã thực hiện kịp thời. Do đó việc triển khai thực hiện kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập cá nhân trên toàn Thị xã đạt kết quả cao, 100% các đơn vị đã thực hiện kê khai đầy đủ và công khai minh bạch đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị; không có đơn vị, cá nhân nào bị xử lý kỷ luật và phải thực hiện xác minh lại tài sản, thu nhập.

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo kết quả thực hiện việc kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập năm 2016 kính gửi Thanh tra Tỉnh tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Thanh tra Tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TTR.

CHỦ TỊCH

Bùi Huy Hùng

UỶ BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU
Kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập năm 2016

(Kèm theo Báo cáo số 89 /BC-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn)

STT	Tên đơn vị	Số người phải kê khai trong năm	Số người đã kê khai	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người công khai theo hình thức tổ chức cuộc họp	Số người được xác minh tài sản, thu nhập	Số người đã có kết luận về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Số người đã bị xử lý kỷ luật do chậm tổ chức kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản	Số người đã bị xử lý trách nhiệm trong xác minh tài sản, thu nhập	Ghi chú
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	**Văn phòng Thị ủy**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
2	**Ban Tổ chức Thị ủy**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	

3	**Ban Tuyên giáo Thị ủy**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
4	**Ban Dân vận Thị ủy**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
5	**Ủy ban kiểm tra Thị ủy**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	5	5	5		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	5	5	5		0	0	0	0	0	
6	**Mặt trận tổ quốc Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
7	**Liên đoàn lao động Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
8	**Hội Cựu chiến binh Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	

9	**Hội Nông dân Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
10	**Hội LHPN Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
11	**Đoàn thanh niên Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
12	**Văn phòng HĐND-UBND Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
13	**Phòng Nội vụ**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
14	**Phòng Y tế**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	1	1		1	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	1	1		1	0	0	0	0	0	

15	**Phòng Kinh tế**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
16	**Phòng TN-MT**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	4	4		4	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
17	**Phòng TC-KH**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	5	5		5	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
18	**Phòng LĐTB&XH**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
19	**Phòng Tư pháp**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
20	**Phòng GD-ĐT**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	

21	**Phòng VHTT-TDTT**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
22	**Thanh tra Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
23	**Phòng QLĐT**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
24	**Ban QLDA Thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	1	1		1	0	0	0	0	0	
25	**Trung tâm bồi dưỡng Chính trị**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
26	**Trung tâm văn hóa TDTT**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	

27	**Trường Trung Cấp nghề**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	1	1		1	0	0	0	0	0	
28	**Trung tâm GD thường xuyên**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	1	1		1	0	0	0	0	0	
29	**Đài truyền thanh thị xã**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
30	**Đội kiểm tra Quy tắc đô thị**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
31	**Ban quản lý di tích**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3		3	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2		2	0	0	0	0	0	
32	**UBND phường Bắc Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	14	14		14	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	08	08		08	0	0	0	0	0	

33	**UBND phường Ngọc Trạo**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	16	16		16	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	08	08		08	0	0	0	0	0	
34	**UBND phường Phú Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	14	14		14	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	08	08		08	0	0	0	0	0	
35	**UBND xã Quang Trung**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	15	15		15	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	09	09		09	0	0	0	0	0	
36	**UBND phường Ba Đình**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	14	14		14	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	09	09		09	0	0	0	0	0	
37	**UBND phường Lam Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	13	13		13	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	08	08		08	0	0	0	0	0	
38	**UBND phường Đông Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	13	13		13	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	08	08		08	0	0	0	0	0	

39	**UBND xã Hà Lan**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	15	15		15	0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	08	08		08	0	0	0	0	0	
40	**Trường THCS Bắc Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	1	1	1		0	0	0	0	0	
41	**Trường THCS Ngọc Trạo**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
42	**Trường THCS Quang Trung**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
43	**Trường THCS Ba Đình**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
44	**Trường THCS Lê Quý Đôn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	

45	**Trường THCS Xi Măng**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
46	**Trường THCS Hà Lan**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
47	**Trường TH Bắc Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	4	4	4		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
48	**Trường TH Ngọc Trạo**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	4	4	4		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
49	**Trường TH Quang Trung**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
50	**Trường TH Ba Đình**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	

51	**Trường TH Lam Sơn 1**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
52	**Trường TH Lam Sơn 3**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
53	**Trường TH Đông Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
54	**Trường TH Hà Lan**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
55	**Trường MN Bắc Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
56	**Trường MN Phú Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	

57	**Trường MN Quang Trung**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
58	**Trường MN Ba Đình**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
59	**Trường MN Lam Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
60	**Trường MN Hà Lan**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	2	2	2		0	0	0	0	0	
61	**Trường MN Đông Sơn**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
62	**Trường MN Xi Măng**										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	3	3	3		0	0	0	0	0	

	Tổng số										
	- Số bản kê khai do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý.	**258**	**258**	**80**	**178**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	- Số bản kê khai do cấp ủy hoặc cấp trên quản lý.	**185**	**185**	**67**	**118**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	